

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH ĐÓNG MỚI, NÂNG CẤP TÀU THUYỀN KHAI THÁC XA BỜ TỈNH BÌNH THUẬN

ASSESSING THE EFFECTIVENESS OF FISHERIES POLICIES IN NEW BUILDING AND UPGRADING FISHING VESSELS IN BINH THUAN PROVINCE

Tô Văn Phương^{1*} và Lưu Việt Tiến²

¹ Phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Nha Trang

² Chi cục Thủy sản Bình Thuận

*Tác giả liên hệ: Tô Văn Phương (Email: phuongtv@ntu.edu.vn)

Ngày nhận bài: 02/05/2023; Ngày phân biên thông qua: 03/06/2023; Ngày duyệt đăng: 07/06/2023

TÓM TẮT

Nghiên cứu đánh giá hiệu quả trong triển khai sử dụng chính sách đóng mới, nâng cấp tàu thuyền khai thác xa bờ tỉnh Bình Thuận theo Nghị định 67. Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022, 111 ngư dân được khảo sát là chủ tàu, thuyền trưởng tàu cá Bình Thuận được đóng mới, nâng cấp theo Nghị định 67. Kết quả cho thấy có 120 hồ sơ đóng tàu cá được hỗ trợ tín dụng vốn vay với tổng kinh phí triển khai là 1.360,6 tỷ đồng, chỉ còn 111 tàu vẫn đang hoạt động đánh bắt thủy sản. Có 45,9% ngư dân đánh giá từ “hiệu quả” đến “rất hiệu quả” của chính sách theo ND 67 hỗ trợ ngư dân về nguồn tín dụng cho vay đóng mới và nâng cấp tàu, giúp ngư dân có cơ hội trang bị mới máy tàu, trang thiết bị hàng hải và khai thác hiện đại. Có 7,2% ngư dân có cảm nhận chính sách từ “không hiệu quả” đến “rất không hiệu quả” trong việc giúp họ mở rộng ngư trường và tăng thu nhập. Trong khi đó, 36% ngư dân đánh giá từ “thuận lợi” đến “rất thuận lợi” khi thực hiện giải quyết hồ sơ và thủ tục để xin phép phê duyệt đóng tàu cá. Vẫn còn 5,4% ngư dân đánh giá còn gặp khó khăn về tiếp cận vốn vay, giải ngân tín dụng từ ngân hàng. Đây là những thông tin quan trọng giúp các bên liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Từ đó, các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả triển khai chính sách thủy sản để thúc đẩy nghề cá phát triển được đưa ra trong thời gian tới.

Từ khóa: Chính sách thủy sản, Bình Thuận, Nghị định 67, tàu khai thác thủy sản.

ABSTRACT

This study evaluated the effectiveness of implementing the policy of building and upgrading offshore fishing boats in Binh Thuan province under the policy of Decree 67. From January 2022 to August 2022, the study surveyed 111 fishers who were owners and captains of a new and upgraded fishing vessel in Binh Thuan under the Decree 67. The study's findings showed that 120 new and upgraded fishing vessels were supported by credit loans with a total deployment cost of 1,360.6 billion VND. However, only 111 fishing vessels have been still active fishing. About 45.9% of respondents rated from “effective” to “very effective” of the policy under Decree 67 to support fishers in credit sources for building and upgrading offshore vessels that allow them to equip new engine machinery, modern marine and fishing equipments. 7.2% of respondents stated that the policy was from “ineffective” to “very ineffective” in helping them expand their fishing grounds and increase their income. Besides, 36% of respondents rated it “favourable” to “very convenient” when handling documents and procedures for approval to build fishing vessels. About 5.4% of participants said they still have difficulties accessing loans and disbursing credit from banks. These are important to help stakeholders perform their duties well. Since then, management measures to improve the efficiency of implementing fisheries policies to promote fisheries development were proposed in the coming time.

Keywords: Fisheries Policy, Binh Thuan, Decree 67, fishing vessels.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bình Thuận là tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ có chiều dài bờ biển 192 km, vùng biển quản lý rộng khoảng 52.000 km². Là tỉnh có

truyền thống về nghề cá, thuộc nhóm các địa phương đứng đầu cả nước về năng lực tàu cá và sản lượng khai thác hải sản. Đến năm 2022, tổng số tàu cá toàn tỉnh là 6.428 chiếc với tổng

công suất là 1.236.296 CV, trung bình khoảng 192 CV/tàu. Số lượng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 m trở lên là 1.926 chiếc [1], trong đó, khoảng 1.250 tàu cá với trên 10.000 ngư dân thường xuyên hoạt động trên ngư trường vùng biển xa bờ, bao gồm khu vực biển Hoàng Sa, giữa biển Đông, Trường Sa, DKI [2]. Sản lượng khai thác trung bình của tỉnh khoảng 200.000 tấn/năm. Năm 2021, tổng sản lượng khai thác hải sản toàn tỉnh đạt 210.004 tấn, tăng 20,1% so với 10 năm trước (năm 2012 sản lượng đạt 174.850 tấn) [1].

Trên thế giới, Chính phủ các nước thường sử dụng các gói tín dụng hỗ trợ để phát triển nghề cá theo hướng giảm áp lực khai thác ven bờ, quy mô nhỏ sang khai thác xa bờ, nghề cá công nghiệp quy mô lớn [3,4]. Năm 2009, ước tính thế giới có 35 tỷ USD cho chính sách hỗ trợ nghề cá, trong đó trợ cấp nhiên liệu tàu thuyền khai thác chiếm 22%, trợ cấp quản lý là 20%, trợ cấp cảng cá khoảng 10% [4]. Trong khi đó, chính sách hỗ trợ ở các nước phát triển chiếm 65% và các nước đang phát triển là 35%, mặc dù nhóm nước đang phát triển đóng góp trên 50% sản lượng khai thác toàn cầu [4]. Ở nước ta, nhằm đẩy mạnh hoạt động khai thác xa bờ và từng bước hiện đại hóa đội tàu khai thác thủy sản, Chính phủ đã ban hành Nghị định 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản (NĐ 67) năm 2014 [5]. Nghị định có 5 nhóm chính sách gồm chính sách đầu tư, tín dụng, bảo hiểm, ưu đãi thuế và một số chính sách khác. Trong đó, phải kể đến quan điểm khuyến khích đóng tàu công suất lớn vỏ thép/vật liệu mới, quy định mức lãi suất hết sức ưu đãi mà ngư dân phải trả chỉ từ 1-3%/năm (mức lãi suất thấp nhất thời điểm đó), và Nhà nước cấp bù từ 4-6% với thời gian cho vay là 11 năm. Trong quá trình triển khai, xuất phát từ vấn đề tồn tại bất cập ở thực tiễn, NĐ 67 được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định 89/2015/NĐ-CP và Nghị định 17/2018/NĐ-CP [6,7].

Nhằm cụ thể hóa chính sách phát triển thủy sản, đến năm 2022, Bình Thuận đã phê duyệt 187 hồ sơ đăng ký đóng mới và nâng cấp tàu cá theo NĐ 67, trong đó đăng ký đóng mới 156 tàu và nâng cấp, cải hoán 31 tàu. Đến nay, có

120 tàu đi vào hoạt động (114 tàu đóng mới và 06 tàu nâng cấp), với tín dụng cho vay là 1.075,6 tỷ đồng, hỗ trợ bảo hiểm và chi phí vận chuyển 55,067 tỷ đồng [8].

Đã có một số nghiên cứu về hiệu quả chính sách phát triển thủy sản ở các địa phương như Quảng Bình, Cà Mau [9,10]. Tuy vậy, vẫn chưa có nghiên cứu nào được triển khai ở Bình Thuận, là một địa phương trọng điểm nghề cá của nước ta. Vì vậy, việc khảo sát đánh giá hiệu quả triển khai một số chính sách phát triển thủy sản ở địa phương này là rất cần thiết, nhằm đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách trong thời gian tới.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu là đánh giá hiệu quả triển khai một số chính sách phát triển thủy sản ở Bình Thuận theo Nghị định 67; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách của nhà nước tại địa phương trong thời gian tới.

2.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.2.1. Đối tượng nghiên cứu

Hiệu quả thực hiện một số chính sách phát triển thủy sản. Khách thể nghiên cứu là chủ tàu, thuyền trưởng tàu cá và cán bộ quản lý.

2.2.2. Phạm vi, thời gian nghiên cứu

+ Phạm vi nghiên cứu: tập trung vào việc thực hiện chính sách đóng mới và nâng cấp/cải hoàn tàu cá theo NĐ 67 tại Bình Thuận.

+ Thời gian nghiên cứu: Từ 01/2022 đến 8/2022.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1 Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp

Nghiên cứu thu thập, xử lý và sử dụng các báo cáo và dữ liệu thống kê từ cơ quan quản lý chuyên ngành như Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NNPTNT) tỉnh Bình Thuận; các quy định pháp luật và công trình nghiên cứu trước đó liên quan đến đánh giá chính sách phát triển thủy sản.

2.3.2. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp

2.3.2.1. Phương pháp thu thập thông tin

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng

vấn chủ tàu, thuyền trưởng có sự tham vấn của cán bộ quản lý nghề cá tỉnh Bình Thuận thông qua Phiếu khảo sát được thiết kế sẵn kết hợp trao đổi và phỏng vấn sâu. Nghiên cứu tập trung đánh giá hiệu quả, tích cực của chính sách hỗ trợ ngư dân về thực hiện chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp. Sử dụng thang đo Likert để đánh giá theo các mức độ từ không hiệu quả đến rất hiệu quả, hoặc từ rất khó khăn đến rất thuận lợi [11]. Bên cạnh đó, sử dụng phương pháp chuyên gia và thảo luận nhóm

với cán bộ quản lý nghề cá để nhận diện những tồn tại, hạn chế và khó khăn trong triển khai chính sách phát triển nghề cá theo NĐ 67 ở địa phương nghiên cứu.

2.3.2.2. Phương pháp chọn cỡ mẫu nghiên cứu

Năm 2022, Bình Thuận còn 111 chiếc thuyền hưởng chính sách còn đang hoạt động [1,2]. Nghiên cứu thực hiện khảo sát toàn bộ nhóm tàu thuyền này. Vì vậy, ngư dân tham gia khảo sát theo số lượng tàu cá thực tế là $n = 111$, chi tiết tại Bảng 1.

Bảng 1: Số mẫu khảo sát theo địa phương của tỉnh Bình Thuận

TT	Địa phương	Tổng số (tàu)	Trong đó:	
			Đóng mới (tàu)	Nâng cấp (chiếc)
1	Huyện Tuy Phong	03	03	0
2	Thành phố Phan Thiết	16	15	01
3	Thị xã La Gi	10	07	03
4	Huyện Phú Quý	82	82	0
	Tổng	111	107	04

2.4. Phương pháp xử lý dữ liệu

Các thông tin dữ liệu thu thập từ phiếu khảo sát được phân tích, xử lý thông qua MS. Excel để đưa ra các bảng biểu, thông tin về giá trị trung bình, tỷ lệ. Từ đó, hiệu quả thực hiện một số chính sách phát triển thủy sản đối với ngư dân theo NĐ 67 tại Bình Thuận được đánh giá.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kết quả thực hiện đóng mới, nâng cấp tàu cá theo NĐ 67 tại Bình Thuận

Đến năm 2022, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Thuận đã phê duyệt danh sách đăng

ký đóng mới, nâng cấp tàu cá theo NĐ 67 là 187 tàu, trong đó: đăng ký đóng mới 156 tàu và nâng cấp, cải hoán là 31 tàu. Tuy nhiên, chỉ có 120 tàu được Ngân hàng đồng ý ký duyệt cho vay tín dụng và đi vào hoạt động, đạt tỉ lệ 64,2% số tàu được phê duyệt. Con số này cao hơn so với địa phương Quảng Bình (chỉ có 87 tàu) [9] và Cà Mau (có 91 tàu) [10].

Tổng kinh phí triển khai chính sách là 1.360,6 tỷ đồng, trong đó, Ngân hàng NNPTNT triển khai gói tín dụng 1.075,5 tỷ đồng, chiếm khoảng 79% [1,2]. Tổng kinh phí cho chính



Hình 1: Tàu vỏ thép nghề chụm mực được đóng mới theo NĐ 67.

sách đóng mới, nâng cấp tàu cá ở Bình Thuận cao hơn Quảng Bình với 1.265,2 tỷ đồng [9] và gấp tới 3 lần so với tỉnh Cà Mau khi chỉ có 405 tỷ đồng [10]. Có 67 hồ sơ không được ngân hàng triển khai cho vay tín dụng do không đáp

ứng đầy đủ các điều kiện như thiếu vốn đối ứng hay không đúng đối tượng... Chi tiết về tàu thuyền, kinh phí triển khai chính sách được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả triển khai chính sách đóng mới, nâng cấp tàu cá tỉnh Bình Thuận

TT	Kết quả triển khai	Đóng mới	Cải hoàn	Tổng
1	UBND tỉnh phê duyệt (tàu)	156	31	187
2	Ngân hàng triển khai tín dụng cho vay (tàu)	114	6	120
3	Tỷ lệ tàu thuyền phê duyệt/ triển khai tín dụng cho vay (%)	64,2		
4	Tổng kinh phí đầu tư thực tế (tỉ đồng)	1.360,6		
5	Số tiền cho vay (tỉ đồng)	1.075,5		
6	Số tàu thuyền đi vào hoạt động (tàu)	114	6	120
7	Cơ cấu tàu thuyền thụ hưởng chính sách NĐ67			
a	Theo vật liệu đóng tàu (tàu)	Gỗ	Thép	Composite
-		94	18	8
b	Theo nghề hoạt động (tàu)	Nghề khai thác	Dịch vụ hậu cần	
-		83	37	

Nghiên cứu thấy rằng hiện nay chỉ còn 111/120 tàu đóng mới và nâng cấp theo NĐ 67 còn hoạt động. Có 9 tàu bị tổn thất toàn bộ dẫn đến không còn hoạt động (chiếm 7,5%) do cháy, chìm trên biển hoặc bị nước ngoài bắt,

cụ thể: 06 tàu đóng mới và 02 tàu nâng cấp bị tai nạn cháy, chìm trên biển; có 01 tàu bị nước ngoài (Indonesia) bắt giữ và phá hủy [1]. Khảo sát thực tế cho thấy, từ khâu lập phương án sản xuất, lựa chọn thiết kế kỹ thuật, trang

Bảng 3. Cơ cấu tàu thuyền và triển khai tín dụng cho ngư dân theo NĐ 67 ở Bình Thuận

TT	Địa phương	Mục đích vay vốn						Tổng (tàu)	Số tiền cho vay (tỉ đồng)	Tỉ lệ (%)
		Đóng mới (tàu)		Nâng cấp (tàu)	Vật liệu (tàu)					
		Khai thác thủy sản	Dịch vụ hậu cần		Thép	Gỗ	Composite			
1	Phan Thiết	15	1	2		18		18	153,1	14,2
2	La Gi	8		3		11		11	63,4	5,9
3	Phú Quý	52	35	1	16	64	8	88	816,1	75,9
4	Tuy Phong	3		0	2	1		3	42,9	4,0
Tổng (tàu)		78	36	6	18	94	8	120	1.075,5	100
Tín dụng cho vay										
Số tiền (tỉ đồng)		728,1	329,4	18,0	360,4	591,0	124,1	1.075,5		
Tỉ lệ (%)		67,7	30,6	1,7	33,5	55,0	11,5	100		

Nguồn: [1,2]

thiết bị hàng hải và tổ chức giám sát thi công đóng mới tàu cá còn hạn chế. Hệ quả là một số tàu thuyền ND 67 không đảm bảo chất lượng khi hoạt động hoặc không phù hợp cho việc khai thác lâu dài trên vùng biển xa, gây thiệt hại và lãng phí nguồn lực cũng như ảnh hưởng đến tính hiệu quả của chính sách.

Từ Bảng 3 thấy rằng, tổng tín dụng cho vay là 1.075,5 tỉ đồng, trong đó phân bổ cho đóng mới hoạt động khai thác trên biển là nhiều nhất với 728,1 tỉ đồng, chiếm 67,7%; kế đến là đóng mới phục vụ hoạt động hậu cần 329,4 tỉ đồng, chiếm 30,6%; ít nhất là các khoản tín dụng nâng cấp và cải hoán tàu, chỉ với 18,0 tỉ đồng, chiếm 1,7%. Đáng chú ý, nghiên cứu cho thấy kinh phí trung bình để đóng mới tàu vỏ gỗ là

6,3 tỉ đồng/tàu, tàu vỏ thép là 20 tỉ đồng/chiếc và tàu vỏ composite là 15,5 tỉ đồng/chiếc. Như vậy, kinh phí trung bình đóng mới một tàu vỏ thép cao gấp 3,5 lần tàu vỏ gỗ, gấp 1,3 lần tàu vỏ composite do chi phí vật liệu, gia công lắp ráp, vận hành và bảo dưỡng tàu vỏ thép phức tạp cũng như đòi hỏi tính kỹ thuật nên giá thành cao hơn so với tàu vỏ composite và vỏ gỗ.

3.2. Hiệu quả triển khai chính sách đóng mới, nâng cấp tàu thuyền theo ND 67 ở Bình Thuận

Kết quả khảo sát ngư dân về mức độ tích cực, hiệu quả của một số chính sách phát triển thủy sản nói chung và đóng mới, nâng cấp tàu cá nói riêng được thể hiện tại Bảng 4.

Bảng 4: Hiệu quả triển khai chính sách phát triển thủy sản tại Bình Thuận

TT	Nội dung khảo sát	Đánh giá mức độ hiệu quả, tích cực của chính sách (tỷ lệ %)				
		Rất không hiệu quả	Không hiệu quả	Trung lập/ bình thường	Hiệu quả	Rất hiệu quả
		1	2	3	4	5
1	Chính sách hỗ trợ ngư dân về nguồn tín dụng cho vay để đóng mới, nâng cấp tàu cá	0	0,9	53,2	34,2	11,7
2	Chính sách hỗ trợ ngư dân phát triển tàu khai thác xa bờ công suất lớn	0	0,9	54,1	32,4	12,6
3	Chính sách hỗ trợ ngư dân có cơ hội trang bị máy mới; trang thiết bị hàng hải, khai thác hiện đại	0	0,9	53,2	32,4	13,5
4	Nâng cao mức độ an toàn cho người và tàu cá khi hoạt động trên biển	0	0,9	55,0	32,4	11,7
5	Chính sách giúp tăng sản lượng khai thác thủy sản	0,9	5,4	67,6	26,1	0
6	Chính sách hỗ trợ tăng hiệu quả khai thác thủy sản	0,9	5,4	70,3	23,4	0
7	Chính sách hỗ trợ ngư dân tăng thu nhập	0,9	6,3	68,5	24,3	0
8	Chính sách giúp ngư dân mở rộng ngư trường	0,9	6,3	66,7	23,4	2,7
9	Chính sách hỗ trợ ngư dân giảm gánh nặng khi không may gặp rủi ro khi khai thác trên biển	0,9	5,4	73,9	14,4	5,4

Từ Bảng 4 cho thấy có 45,9% ngư dân đánh giá từ hiệu quả đến rất hiệu quả về nguồn vốn hỗ trợ, giúp ngư dân có cơ hội trang bị mới máy tàu, trang thiết bị hàng hải và khai thác hiện đại. Có 45% ngư dân nhận xét từ hiệu quả đến rất hiệu quả hỗ trợ ngư dân phát triển tàu khai thác xa bờ công suất lớn. Ngư dân dễ dàng tiếp cận được nguồn vốn vay lớn với lãi suất ưu đãi và thời hạn trả nợ kéo dài, điều mà trước đây chưa từng có. Các thông số đánh giá này tương đương hoặc cao hơn so với các địa phương như Quảng Bình và Cà Mau [9,10].

Tuy nhiên, số ít ngư dân (khoảng 1%) có phản hồi tiêu cực khi đánh giá chính sách không mang lại hiệu quả về hỗ trợ nguồn vốn tín dụng cũng như phát triển đội tàu xa bờ có công suất lớn và trang bị thiết bị hiện đại. Nguyên nhân cho nhận định trên là NĐ 67 cho phép chủ tàu được vay vốn tối đa 70% tổng giá trị đầu tư đóng mới tàu vỏ gỗ; 90% - 95% đối với vay đóng tàu vỏ thép và nguồn vốn đối ứng chủ tàu phải bỏ vào lần lượt là 30% với tàu vỏ gỗ, từ 5%-10% đối với tàu vỏ thép. Phòng vấn sâu và thảo luận nhóm cho thấy chính sách ưu đãi thuế trước bạ đóng mới, nâng cấp tàu cá theo NĐ 67 vẫn còn nhiều bất cập khi cùng tham gia

chương trình nhưng có tàu được miễn phí trước bạ (tàu khai thác thủy sản), có tàu phải đóng phí trước bạ (tàu dịch vụ hậu cần).

Đáng chú ý, có 7,2% ngư dân có cảm nhận chính sách từ không hiệu quả đến rất không hiệu quả trong việc giúp họ mở rộng ngư trường và tăng thu nhập; có 6,3% ý kiến cho rằng từ không hiệu quả đến rất không hiệu quả tăng hiệu quả khai thác và giảm gánh nặng khi không may gặp rủi ro khi khai thác trên biển. Các nhận định này thấp hơn nhiều so với ngư dân Cà Mau (29,4%) [10]; trong khi Quảng Bình không có ngư dân nào đánh giá không hiệu quả [9]. Có thể do thời tiết diễn biến phức tạp gây ra nhiều rủi ro, bất lợi cho hoạt động khai thác thủy sản; thời gian gần đây chủ tàu gặp khó khăn trong việc tìm kiếm lao động thuyền viên đi biển, trong khi đó đầu tư đóng tàu theo NĐ 67 đòi hỏi một nguồn vốn lớn hơn nhiều so với các hình thức đóng mới, nâng cấp thông thường.

3.3. Đánh giá mức độ thuận lợi khi tiếp cận các chính sách NĐ 67 tại Bình Thuận

Kết quả khảo sát ngư dân về mức độ thuận lợi khi tiếp cận các chính sách được thể hiện tại Bảng 5.

Bảng 5: Kết quả đánh giá mức độ thuận lợi khi tiếp cận chính sách theo NĐ 67

TT	Nội dung khảo sát	Đánh giá mức độ thuận lợi của việc tiếp cận chính sách (tỷ lệ %)				
		Rất khó khăn	Khó khăn	Bình thường	Thuận lợi	Rất thuận lợi
		1	2	3	4	5
1	Hồ sơ và thủ tục xin phê duyệt đăng ký đóng tàu cá	0	1,8	62,2	24,3	11,7
2	Hồ sơ, quy trình và thủ tục hồ sơ xin vay vốn tín dụng	0	2,7	61,3	24,3	11,7
3	Ngân hàng tạo điều kiện giải ngân tín dụng vốn vay	0	5,4	53,2	29,7	11,7

Từ Bảng 5 cho thấy, 36% ngư dân đánh giá từ thuận lợi đến rất thuận lợi khi thực hiện giải quyết hồ sơ và thủ tục để xin phép phê duyệt đóng tàu cá, quy trình và thủ tục hồ sơ xin vay vốn tín dụng. Có 41,4% chủ tàu đánh giá từ thuận

lợi đến rất thuận lợi khi tiếp cận Ngân hàng đã tạo điều kiện tốt cho các chủ tàu trong việc giải ngân vốn tín dụng cho vay. Tuy nhiên, vẫn còn 5,4% ngư dân đánh giá còn gặp khó khăn về tiếp cận vốn vay, giải ngân tín dụng

từ ngân hàng; 2,7% ngư dân phàn nàn về khó khăn khi làm hồ sơ và triển khai theo các quy trình, thủ tục xin vay vốn từ các đơn vị liên quan. Nguyên nhân là ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục xem xét hồ sơ nhưng không có chuyên môn về tàu cá và nghề khai thác nên không kiểm soát được các hạng mục đầu tư, giá thành, giải ngân không theo kịp tiến độ. Ngoài ra, cũng có thể do nhận thức của ngư dân hạn chế nên tiếp cận chuẩn bị hồ sơ theo các hướng dẫn gặp nhiều khó khăn. Điều này, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả đầu tư, hoạt động của tàu cá sau đầu tư của chủ tàu. So sánh với các nghiên cứu khác cho thấy, ở Cà Mau, nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Vũ (2022) chỉ ra ngư dân đánh giá không thuận lợi từ 25,5% - 38,2% [10]. Thậm chí ở Quảng Bình, 83,3% ngư dân khảo sát đưa ra nhận định về khó khăn trong việc làm hồ sơ, thủ tục tiếp cận vốn vay [9].

3.4. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai chính sách tại Bình Thuận

Dựa vào các kết quả nghiên cứu ở trên, một số giải pháp mang tính chất định hướng được đề xuất quan tâm triển khai, cụ thể:

- Cải thiện cách thức quản lý đến các thủ tục phê duyệt đăng ký; hồ sơ, quy trình và thủ tục xin vay vốn; công tác giải nhân vốn tín dụng cần được hướng dẫn chi tiết, bài bản từ những cán bộ am hiểu về nghề cá để hỗ trợ ngư dân trong quá trình tiếp cận vốn tín dụng, thụ hưởng chính sách ý nghĩa này của Nhà nước.

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của ngư dân là rất quan trọng về chủ trương, chính sách phát triển khai thác thủy sản xa bờ, từ đó có “cái nhìn đúng đắn”, phối hợp với các đơn vị quản lý liên quan trong việc triển khai chính sách sao cho hiệu quả.

- Rà soát, bổ sung các quy tắc bảo hiểm cho tàu cá đóng mới hoặc nâng cấp theo NĐ67 để bảo đảm quyền lợi chính đáng của chủ tàu tham gia bảo hiểm. Cần nhất quán của chính sách bảo hiểm thân tàu với bảo hiểm trang thiết bị khai thác, ngư lưới cụ trên tàu nhằm bảo đảm tài sản đầu tư và quyền lợi chính đáng của người tham gia bảo hiểm.

Mặc dù nhiều kết quả có giá trị và ý nghĩa

khoa học cũng như thực tiễn được đưa ra trong nghiên cứu này nhưng vì thời gian và nguồn lực có hạn nên nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế như chưa đánh giá được sâu sắc hơn mức độ hiệu quả từ góc độ quản lý, đơn vị giải ngân nguồn vốn tín dụng.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Nghề khai thác thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Bình Thuận nói riêng. Chính sách phát triển thủy sản theo NĐ 67 đã góp phần quan trọng cho phát triển đội tàu khai thác xa bờ tỉnh Bình Thuận thời gian qua. Kết quả nghiên cứu cho thấy: có 120 tàu được đóng mới, nâng cấp theo NĐ67 với tổng kinh phí 1.360,6 tỷ đồng; kinh phí trung bình đóng mới một tàu vỏ thép cao gấp 3,5 lần tàu vỏ gỗ, gấp 1,3 lần tàu vỏ composite; 45,9% ngư dân đánh giá từ hiệu quả đến rất hiệu quả của chính sách theo NĐ 67 hỗ trợ ngư dân về nguồn tín dụng đóng mới và nâng cấp tàu, giúp ngư dân có cơ hội trang bị mới máy tàu, trang thiết bị hàng hải và khai thác hiện đại. Đồng thời, chính sách theo NĐ 67 hỗ trợ tốt về trang bị máy tàu mới, thiết bị hàng hải và khai thác hiện đại, giúp nâng cao mức độ an toàn cho người và tàu khai thác xa bờ trên biển. Bên cạnh đó, một số vấn đề trong thực thi cũng được đưa ra để có giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

4.2. Kiến nghị

Các cơ quan như Chi cục Thủy sản, Sở NNPTNT Bình Thuận, Ngân hàng thương mại và các bên liên quan khác tham khảo thông tin liên quan từ kết quả nghiên cứu để có rà soát, điều chỉnh quy định, quy trình hướng dẫn ngư dân tham gia Chính sách theo NĐ 67 được tốt hơn.

Tiếp tục quan tâm khảo sát và đánh giá sâu hơn ở các nghiên cứu khác liên quan đến khía cạnh cán bộ, cơ quan quản lý nghề cá địa phương và ngân hàng thương mại để có cái nhìn khách quan, toàn diện bức tranh hiệu quả một số chính sách phát triển thủy sản theo NĐ 67 thời gian qua, là căn cứ phát triển chính sách mới hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chi cục Thủy sản Bình Thuận (2022), Các báo cáo tổng kết ngành thủy sản tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2012-2022. Phan Thiết.
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Thuận (2021), Báo cáo quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Phan Thiết.
3. Gazi, M., Ali, J., Zamhuri, S., Viswanathan, K.K., Abdullah, H. (2016), *Impact of Subsidies on the Economic and Environmental Conditions of Small Scale Fisheries in Malaysia*. International Journal of Economics and Financial Issues, 6(S7) 12-15. <https://dergipark.org.tr/en/download/article-file/363997>.
4. Sumailia, U.R., Lam, V., Manach, F.L., Swartz, W., Pauly, D. (2016), Global fisheries subsidies: An updated estimate. *Marine Policy*, 69:189-193. <https://doi.org/10.1016/j.marpol.2015.12.026>
5. Văn phòng Chính phủ (2014), Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. *Hà Nội*.
6. Văn phòng Chính phủ (2015), Nghị định 89/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản. *Hà Nội*.
7. Văn phòng Chính phủ (2018), Nghị định 17/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 về một số chính sách phát triển thủy sản. *Hà Nội*.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (2019), Báo cáo Tổng kết 05 năm thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Phan Thiết.
9. Tô Văn Phương và Nguyễn Việt Xuân (2021), Đánh giá chính sách hỗ trợ theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP đến nghề khai thác thủy sản tỉnh Quảng Bình. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy sản*, số 3/2021.
10. Nguyễn Hoàng Vũ (2022), Đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách thúc đẩy phát triển khai thác thủy sản tại tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2010-2020. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Nha Trang.
11. Joshisaket, A., Chandeldinesh, K., & Kumar, P. (2015). Likert scale: explored and explained. *Current Journal of Applied Science and Technology*, 7(4), 396-403. doi: <http://dx.doi.org/10.9734/bjast/2015/14975>